TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI,TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 11 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Minh Thắng
Ông Nguyễn Văn Hiển
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; cư trú tại: Tổ A, ấp Kinh 5A, xã THA, huyện TH, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp CN, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Võ Hoàng V tổ chức đám cưới năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD vào năm 2017. Sau khi kết hôn chị và anh V sống và đi làm tại tỉnh LA. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra, anh V không đi làm từ đó vợ chồng mâu thuẫn, có khi anh V có những lời lẽ hăm dọa chị. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh chị không đoàn tụ được. Nay chị N xin ly hôn anh V.

- Về con chung: Có một người con chung tên Võ Mỹ H, sinh ngày 24/3/2017 hiện nay do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại vợ chồng: Không có.

** Đối với bị đơn anh Võ Hoàng V trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Võ Hoàng V và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị sống và làm việc tại ấp A, xã NT, huyện TT, tỉnh LA. Từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn. Vào khoảng tháng 6/2019 vì anh V thường bị bệnh không lo được cuộc sống ổn định cho vợ con và lúc đó thường hay nóng nãy nên mỗi khi vợ chồng nói chyện với nhau thì cự cải. Do đó chị N bỏ đi và xin ly hôn. Nay anh V không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tỉnh cảm với chị N.

- Về con chung: Cháu Võ Mỹ H, sinh ngày 24/3/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Hoàng V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Võ Hoàng V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD vào ngày 16/3/2017 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh V không đồng ý. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, chị N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cải do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V xác định thời gian từ tháng 6/2019 do anh không lo cuộc sống ổn định cho gia đình, vợ chồng có cự cải nên chị N bỏ đi. Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng tại phiên Tòa chị N xác định trong quá trình chung sống do anh V không có việc làm ổn định từ đó giữa anh chị thường xuyên cải nhau, anh V có những lời lẽ đe dọa chị, có lần cầm dao định chém chị, mâu thuẫn giữa anh chị diễn ra trong khoảng thời gian dài từ khi kết hôn đến tháng 6/2019 thì ly thân. Chị N cho rằng mặc dù không có biên bản hòa giải của gia đình và địa phương nhưng gia đình đã hòa giải nhiều lần không có kết quả. Mặc khác, anh V yêu cầu đoàn tụ nhưng không có giải pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân của anh chị. Nay chị xét thấy không còn tình cảm, không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn anh V. Do đó, cho thấy trong cuộc sống hôn nhân giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện tại cháu Võ Mỹ H đang do chị N nuôi dưỡng, chị N cũng có thu nhập ổn định. Mặc khác, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *" 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..."*. Do đó, hiện nay cháu Võ Mỹ H chỉ hơn 32 tháng tuổi nên giao cháu H cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị N và anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ người khác, về người khác nợ lại: Chị N và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Võ Hoàng V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Võ Mỹ H (nữ), sinh ngày 24/3/2017 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Võ Hoàng V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009761 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THA dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung